

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch
Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên
Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Toàn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Nghĩa Tín	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thảo Sương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Phong	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 29. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán như trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, dây chuyền cán 2 đã cơ bản xây dựng hoàn thành và bắt đầu thực hiện sản xuất thử từ tháng 6 năm 2011. Theo Báo cáo kinh tế kỹ thuật về việc đầu tư dây chuyền cán 2, thời gian sản xuất thử sẽ kéo dài trong 3 tháng, sau đó, thêm 3 tháng hiệu chỉnh công suất và ổn định chất lượng sản phẩm vào ngày 28 tháng 02 năm 2012. Trong năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty vẫn chưa ghi nhận tăng Tài sản cố định hữu hình và thực hiện trích khấu hao đối với dây chuyền cán 2 này do Ban giám đốc Công ty đánh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, dây chuyền cán 2 này vẫn chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để đưa vào hoạt động kinh doanh chính thức. Theo đó, toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến dây chuyền cán 2 phát sinh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 được vốn hóa vào giá trị Xây dựng cơ bản dở dang của dự án dây chuyền cán 2. Do không xác định được chính xác thời điểm dây chuyền cán 2 có thể đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục liên quan trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán như đã nêu ở trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới vấn đề sau:

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 206.655.111.306 VND trong đó khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các hợp đồng vay là 69.628.731.800 VND và Công ty có lưu chuyển tiền thuần âm từ hoạt động kinh doanh là 243.062.253.423 VND. Các yếu tố này gây ra sự lo ngại về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1472/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		598.137.398.018	737.274.583.283
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.676.948.473	54.832.362.923
1. Tiền	111		8.676.948.473	51.052.362.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.780.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.145.127.682	102.541.068.756
1. Phải thu khách hàng	131		176.662.524.716	86.399.490.738
2. Trả trước cho người bán	132		13.188.827.622	16.840.845.109
3. Các khoản phải thu khác	135		1.215.853.344	222.810.909
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(922.078.000)	(922.078.000)
III. Hàng tồn kho	140	6	393.223.962.847	539.694.168.991
1. Hàng tồn kho	141		393.223.962.847	539.694.168.991
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.091.359.016	40.206.982.613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.965.075.390	5.595.389.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		569.432.755	34.406.800.209
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		350.051.751	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		206.799.120	204.792.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		985.858.259.561	819.631.345.809
I. Tài sản cố định	220		983.072.981.623	817.383.678.946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	162.955.583.446	176.332.506.703
- Nguyên giá	222		261.810.608.799	247.858.290.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.855.025.353)	(71.525.783.475)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	68.002.583.892	68.022.004.892
- Nguyên giá	228		68.063.179.059	68.063.179.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.595.167)	(41.174.167)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	752.114.814.285	573.029.167.351
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.600.000.000	1.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	1.600.000.000	1.600.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.185.277.938	647.666.863
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.185.277.938	647.666.863
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 =100+200)	270		1.583.995.657.579	1.556.905.929.092

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.226.763.203.630	1.207.376.925.482
I. Nợ ngắn hạn	310		804.792.509.324	842.759.439.890
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	623.539.988.000	432.246.934.792
2. Phải trả người bán	312		168.708.904.043	316.376.515.017
3. Người mua trả tiền trước	313		125.432.227	59.699.793.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	944.122.870	14.365.757.568
5. Phải trả người lao động	315		2.902.208.546	4.559.794.238
6. Chi phí phải trả	316		1.453.111.607	541.852.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	5.100.023.917	13.364.088.101
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.018.718.114	1.604.704.138
II. Nợ dài hạn	330		421.970.694.306	364.617.485.592
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	421.970.694.306	364.617.485.592
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		357.232.453.949	349.529.003.610
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	357.232.453.949	349.529.003.610
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.175.100.000	37.175.100.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.395.287.553	8.395.287.553
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.984.446.120	8.395.287.553
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.589.158.567	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		98.088.461.709	95.563.328.504
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.583.995.657.579	1.556.905.929.092
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
CHỈ TIÊU	Đơn vị		31/12/2012	31/12/2011
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	VND		-	51.231.721.471
2. Ngoại tệ các loại	USD		1.201,91	366.150,73

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.234.884.667.475	1.043.002.017.653
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.394.924.500	539.971.036
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	1.218.489.742.975	1.042.462.046.617
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1.138.937.077.705	920.935.330.800
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		79.552.665.270	121.526.715.817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.922.139.337	5.003.218.124
7. Chi phí tài chính	22	21	56.013.166.041	51.219.134.381
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.875.719.709	42.346.612.839
8. Chi phí bán hàng	24		8.103.016.554	5.648.492.990
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.967.530.357	17.514.677.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		6.391.091.655	52.147.629.386
11. Thu nhập khác	31	22	6.281.990.539	8.188.380.277
12. Chi phí khác	32		78.817.596	510.211.222
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.203.172.943	7.678.169.055
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=40+30)	50		12.594.264.598	59.825.798.441
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	2.390.814.259	8.042.627.089
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.203.450.339	51.783.171.352
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	510	2.589

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.594.264.598	59.825.798.441
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.348.662.878	25.540.477.057
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	257.132.877	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(188.181.853)	(860.625.153)
Chi phí lãi vay	06	51.875.719.709	42.346.612.839
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	91.887.598.209	127.128.886.584
Thay đổi các khoản phải thu	09	(89.690.044.950)	(36.250.381.325)
Thay đổi hàng tồn kho	10	115.344.651.407	(459.582.251.892)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(278.966.206.609)	358.389.831.157
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	33.578.012.522	(37.463.596.505)
Tiền lãi vay đã trả	13	(108.889.958.467)	(81.076.009.012)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.326.305.535)	(3.395.998.269)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	(2.204.740.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(243.062.253.423)	(134.454.259.789)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(51.975.507.383)	(227.340.867.278)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	-	(78.785.444.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	78.785.444.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24	188.181.853	852.021.736
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(51.787.325.530)	(226.488.845.542)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	31	1.740.080.091.096	1.369.477.960.720
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32	(1.491.454.542.614)	(954.582.572.669)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	33	-	(40.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	248.625.548.482	374.895.388.051
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(46.224.030.471)	13.952.282.720
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	54.832.362.923	40.880.080.203
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	68.616.021	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.676.948.473	54.832.362.923

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 22.870.037.836 VND (năm 2011: 20.983.028.961 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) là công ty được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203001911 ngày 27 tháng 02 năm 2008. Ngày 02 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với ngày giao dịch đầu tiên là ngày 11 tháng 5 năm 2010 và mã chứng khoán là DNY.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 913 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 841).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại thép xây dựng; kinh doanh sắt thép; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp và gia công cơ khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 206.655.111.306 VND trong đó khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các hợp đồng vay là 69.628.731.800 VND và Công ty có lưu chuyển tiền thuần âm từ hoạt động kinh doanh là 243.062.253.423 VND. Các yếu tố này gây ra sự lo ngại về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với cơ cấu nguồn vốn phù hợp, bao gồm kế hoạch tiếp tục huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và các cổ đông. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã nhận được Thư cam kết hỗ trợ về tài chính và hoạt động từ cổ đông chính là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi và các cổ đông sáng lập và Công ty có các hạn mức tín dụng có thể huy động từ các tổ chức tín dụng với số tiền khoảng 136 tỷ đồng. Bên cạnh đó, cùng với việc hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dây chuyền sản xuất mới đầu tư, Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Do đó, theo đánh giá của Ban Giám đốc, việc báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Giá trị quyền sử dụng đất: được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính: bao gồm chi phí mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí thuê pano quảng cáo. Chi phí công cụ, dụng cụ được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí thuê pano quảng cáo được phân bổ theo thời gian thuê thực tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không phát sinh khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	169.618.777	315.264.018
Tiền gửi ngân hàng	8.507.329.696	50.737.098.905
Các khoản tương đương tiền	-	3.780.000.000
	<u>8.676.948.473</u>	<u>54.832.362.923</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	155.793.440	35.131.299.293
Nguyên liệu, vật liệu	270.699.862.117	331.405.662.431
Công cụ, dụng cụ	7.402.589.084	3.279.934.799
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.090.705.687	-
Thành phẩm	113.875.012.519	169.877.272.468
Hàng hóa	-	-
	<u>393.223.962.847</u>	<u>539.694.168.991</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, toàn bộ số dư của thành phẩm luyện, thành phẩm cán, và nguyên liệu tại ngày 31/12/2012 được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà xưởng và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	79.201.343.507	153.765.659.646	12.799.379.957	2.091.907.068	247.858.290.178
Mua sắm mới	-	6.846.616.925	653.054.545	191.188.636	7.690.860.106
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	6.261.458.515	-	-	6.261.458.515
Tại ngày 31/12/2012	<u>79.201.343.507</u>	<u>166.873.735.086</u>	<u>13.452.434.502</u>	<u>2.283.095.704</u>	<u>261.810.608.799</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	12.227.452.396	53.487.831.485	4.597.139.769	1.213.359.825	71.525.783.475
Khấu hao trong năm	4.259.415.844	20.420.369.753	2.185.502.947	463.953.334	27.329.241.878
Tại ngày 31/12/2012	<u>16.486.868.240</u>	<u>73.908.201.238</u>	<u>6.782.642.716</u>	<u>1.677.313.159</u>	<u>98.855.025.353</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	<u>62.714.475.267</u>	<u>92.965.533.848</u>	<u>6.669.791.786</u>	<u>605.782.545</u>	<u>162.955.583.446</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>66.973.891.111</u>	<u>100.277.828.161</u>	<u>8.202.240.188</u>	<u>878.547.243</u>	<u>176.332.506.703</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 14, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định bao gồm nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	67.966.074.059	97.105.000	68.063.179.059
Tại ngày 31/12/2012	67.966.074.059	97.105.000	68.063.179.059
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	-	41.174.167	41.174.167
Khấu hao trong năm	-	19.421.000	19.421.000
Tại ngày 31/12/2012	-	60.595.167	60.595.167
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	67.966.074.059	36.509.833	68.002.583.892
Tại ngày 31/12/2011	67.966.074.059	55.930.833	68.022.004.892

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại các lô A1, A2 A17, A18, C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7 tại khu Công nghiệp Thanh Vinh và các lô B15, B16, B17, tại cụm khu Công nghiệp Thanh Vinh mở rộng với giá còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 21.583.146.303 VND và 28.756.800.000 (quyền sử dụng đất không có thời hạn) để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Xây dựng Lò trung tần số 5 - Nhà máy luyện 1	-	6.080.000
Xây dựng Nhà máy cán 2 (i)	501.042.674.151	369.851.369.051
Xây dựng Nhà máy luyện 2 (ii)	250.616.655.821	200.757.365.184
Xây dựng cơ bản khác	455.484.313	2.414.353.116
	752.114.814.285	573.029.167.351

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu phản ánh chi phí đầu tư liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm để sản xuất thép xây dựng D6-D32 với tổng mức đầu tư của Dự án là khoảng 450 tỷ đồng.

- (i) Dây chuyền cán 2 đã cơ bản xây dựng hoàn thành và bắt đầu thực hiện sản xuất thử từ tháng 6 năm 2011. Theo Báo cáo kinh tế kỹ thuật về việc đầu tư dây chuyền cán 2, thời gian sản xuất thử sẽ kéo dài trong 3 tháng, sau đó, thêm 3 tháng hiệu chỉnh công suất và ổn định chất lượng sản phẩm vào ngày 28 tháng 02 năm 2012. Trong năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty vẫn chưa ghi nhận tăng Tài sản cố định hữu hình và thực hiện trích khấu hao đối với dây chuyền cán 2 này do Ban giám đốc Công ty đánh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dây chuyền cán 2 này vẫn chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để đưa vào hoạt động kinh doanh chính thức. Theo đó, toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến dây chuyền cán 2 phát sinh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 03 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 được vốn hóa vào giá trị Xây dựng cơ bản dở dang của dự án dây chuyền cán 2. Tổng giá trị hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 03 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã vốn hóa vào giá trị Xây dựng cơ bản dở dang của dây chuyền cán 2 là khoảng 61,5 tỷ đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã dùng các tài sản được hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của dự án đầu tư Dây chuyền Cán 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (Tiếp theo)

- (ii) Dây chuyền luyện 2 bắt đầu thực hiện chạy thử không tải từ tháng 5 năm 2012 và thực hiện sản xuất thử từ tháng 6 năm 2012. Sau 4 tháng sản xuất thử, báo cáo kỹ thuật của ban chạy thử kết luận các thông số vận hành đồng bộ của dây chuyền chưa ổn định do đó đến tháng 9 năm 2012 Công ty đã tạm ngưng việc sản xuất thử của dây chuyền luyện 2 để sửa chữa đến hết năm 2012.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã dùng các tài sản được hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của dự án đầu tư Dây chuyền Luyện 2.

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị hai công trình trong năm 2012 là 57.443.985.325 VND (năm 2011 là 38.417.115.789 VND).

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng với số tiền là 1.600.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (i)	167.891.451.735	179.330.000.000
- VND	167.891.451.735	179.330.000.000
- USD	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng (i)	132.039.781.909	119.862.677.794
- VND	132.039.781.909	55.618.100.700
- USD	-	64.244.577.094
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng (ii)	99.921.324.333	53.588.576.183
- VND	99.921.324.333	46.484.803.469
- USD	-	7.103.772.714
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (iii)	144.845.462.023	29.009.896.815
- VND	144.845.462.023	26.128.236.792
- USD	-	2.881.660.023
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (iv)	9.213.236.200	-
Vay dài hạn đến hạn trả	69.628.731.800	50.455.784.000
(được trình bày ở Thuyết minh số 14)		
	<u>623.539.988.000</u>	<u>432.246.934.792</u>

- (i) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng thể hiện các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 42/2010/HĐTĐ ngày 09/4/2010 và phụ lục bổ sung ngày 09/6/2012. Hạn mức tín dụng của các khoản vay là 300 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh mở L/C là 240 tỷ VND. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 1,65%/tháng, bằng USD là 6%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cho thế cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép, một số phương tiện vận tải và nguyên vật liệu trong kho với phạm vi bảo đảm là 70 tỷ VND. Số dư của khoản vay bằng VND tại ngày 31/12/2012 là 299.931.233.644 VND. Khoản vay bằng USD đã được tất toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (ii) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng thể hiện khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 10691005/HĐTD ngày 05/5/2010 và phụ lục bổ sung số 11691005 ngày 06/5/2011. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 100 tỷ VND (hạn mức có thể chuyển đổi sang ngoại tệ theo tỷ giá tương ứng). Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 14,7%/năm, lãi suất cho vay bằng USD là 6,5%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, A1, A2, A17, A18 tại khu Công nghiệp Thanh Vinh và tài sản khác bao gồm giá trị hàng tồn kho với phạm vi đảm bảo là 50 tỷ đồng và thế chấp các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế trị giá 70 tỷ đồng. Số dư của khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 99.921.324.333 VND.
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân thể hiện các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2012/HĐ ngày 14 tháng 5 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng số 02/001/2012/HĐ ngày 12 tháng 10 năm 2012. Hạn mức tín dụng của khoản vay này là 145 tỷ đồng (hạn mức có thể chuyển đổi sang ngoại tệ theo tỷ giá tương ứng). Thời hạn rút vốn của Hợp đồng là từ ngày ký đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng 100 tỷ VND số dư hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 001/2012/HĐ ngày 14 tháng 5 năm 2012 và tài sản là nhà xưởng, máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 29/09/2012 trị giá 45.769.000 VND. Số dư của khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 144.845.462.023 VND.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng thể hiện khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số DAN.DN.01.050612/TT/SĐBS.01 ngày 21/7/2012 với hạn mức vay là một khoản tiền bằng VND tương đương 441.671 USD theo tỷ giá ngoại tệ do Ngân hàng TMCP Á Châu công bố tại thời điểm giải ngân. Hợp đồng có thời hạn 06 tháng, từ 23 tháng 7 năm 2012 đến 23 tháng 01 năm 2013. Lãi suất tại thời điểm vay là 9,5% và điều chỉnh 03 tháng/lần trên cơ sở tiền USD gửi tiết kiệm có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng Á Châu theo biên độ 7,8%. Khoản vay được đảm bảo bằng 30 tỷ VND hàng tồn kho. Số dư của khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 9.213.236.200 VND.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải trả	-	9.500.945.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp	891.102.854	4.826.594.130
Thuế xuất nhập khẩu	53.020.016	34.220.930
Thuế khác	-	3.997.246
	<u>944.122.870</u>	<u>14.365.757.568</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	2.460.735.948	6.525.158.781
Bà Phan Thị Thảo Sương	458.966.862	6.113.645.400
Ông Huỳnh Văn Tân	280.000.000	-
Công đoàn Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý	427.650.000	241.350.000
Phải trả khác	1.472.671.107	483.933.920
	<u>5.100.023.917</u>	<u>13.364.088.101</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (i)	51.825.149.414	87.881.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (ii)	43.054.426.392	73.484.269.592
- VND	28.399.845.592	45.199.845.592
- USD	14.654.580.800	28.284.424.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	28.756.000.000	-
Khoản vay đồng tài trợ (iv)	120.301.311.000	144.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT (v)	68.651.000.000	34.900.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương - Thành viên HĐQT (v)	120.094.932.042	74.808.000.000
Ông Nguyễn Hữu Toàn (v)	34.809.403.000	-
Ông Hồ Tín Nghĩa (v)	24.107.204.258	-
	<u>491.599.426.106</u>	<u>415.073.269.592</u>

- (i) Khoản vay không đảm bảo từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (trước đây là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty) là khoản vay theo thỏa thuận với hạn mức tối thiểu là 85.000.000.000 VND trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2011. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại cùng thời điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 100/2012/BB-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2012 thống nhất trả lãi vay theo đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi là 14%/năm đến tháng 12 năm 2012. Lãi vay được trả vào ngày cuối cùng của tháng tính theo số dư nợ thực tế đến ngày trả nợ. Số dư của khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 51.825.149.414 VND.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phản ánh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 157/2009/HĐTD ngày 19/5/2009 cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với Công ty với số tiền là 100 tỷ VND. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 19/9/2009. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 0,875%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh hàng năm tại hai thời điểm là ngày 30/6 và ngày 31/12 theo quy định lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm. Số dư của khoản vay này tại ngày 31/12/2012 là 28.399.845.592 VND và 703.600 USD tương đương 14.654.580.800 VND.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng phản ánh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số DAN.DN.03.050612/TT ngày 08/6/2012 nhằm bổ sung, bù đắp vốn thiếu hụt khi đầu tư Dự án Nhà máy luyện cán thép công suất 200.000 tấn/năm với số tiền là 50 tỷ VND. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 72 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 08/6/2012. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; đồng thời khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định tại hợp đồng này/khế ước nhận nợ, trường hợp lãi suất trong hạn sau khi đã điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do Ngân hàng TMCP Á Châu quy định trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số B15, B16, B17, B18 tại Khu công nghiệp Thanh Vinh và một số máy móc thiết bị theo hợp đồng số DAN.BĐDN.03.050612/TT. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 31/12/2012 là 28.756.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iv) Khoản vay từ các Ngân hàng đồng tài trợ: Ngày 17/8/2010, các Ngân hàng đồng tài trợ (bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Châu, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh (trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng là Ngân hàng đầu mối) cùng ký kết Hợp đồng tài trợ số 01/2010/NHTM-HĐTD để tài trợ vốn cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 200.000 tấn/năm giai đoạn 2 với Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý với số tiền là 145 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên (ngày 16/9/2010). Lãi suất của khoản vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau (bình quân của các bên đồng tài trợ) + 4,5%/năm, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay tối đa từng thời kỳ theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có) hoặc chỉ đạo của hội sở chính các bên tham gia đồng tài trợ. Lãi suất được điều chỉnh mỗi năm 4 lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/12. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà xưởng, máy móc và thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm và Công ty cam kết sử dụng nguồn khấu hao và lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh của Dự án để ưu tiên trả nợ cho khoản vay. Số dư của khoản vay này tại ngày 31/12/2012 là 120.301.311.000 VND.
- (v) Khoản vay dài hạn từ ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương, ông Hồ Nghĩa Tín và ông Nguyễn Hữu Toàn là khoản vay nhằm huy động vốn bổ sung cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm theo Biên bản Hợp Hội đồng Quản trị số 71/2012/BB-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2011, và Biên bản số 98/2012/BB-HĐQT ngày 02 tháng 2 năm 2012. Theo nội dung thống nhất giữa các thành viên trong Hội đồng Quản trị, để giảm áp lực về lãi vay trong giai đoạn đầu tư cho Dự án, ông Huỳnh Văn Tân và bà Phan Thị Thảo Sương đồng ý chuyển một phần dư nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi sang nợ dài hạn của ông Tân và bà Sương với thời hạn vay nợ là 24 tháng. Khoản dư nợ này cùng với khoản cho vay thêm tạm thời không tính lãi cho đến hết tháng 6 năm 2012. Ngày 10 tháng 4 năm 2012, ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương, ông Hồ Nghĩa Tín và ông Nguyễn Hữu Toàn thống nhất cho vay thêm mỗi thành viên 20 tỷ đồng để bổ sung cho dự án tại Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 80/2012/BB-HĐQT. Ngày 15 tháng 8 năm 2012, theo thống nhất tại Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 100/2012/BB-HĐQT, các thành viên Hội đồng Quản trị thống nhất gia hạn thời hạn không tính lãi đối với khoản vay này đến hết tháng 12 năm 2012. Công ty có thể luân chuyển trả nợ cho khoản vay này khi có nguồn thu và vay lại khi có nhu cầu để giảm bớt áp lực lãi vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	69.628.731.800	50.455.784.000
Trong năm thứ hai	67.414.694.592	71.863.680.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	354.555.999.714	292.753.805.592
	491.599.426.106	415.073.269.592
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	69.628.731.800	50.455.784.000
Số phải trả sau 12 tháng	421.970.694.306	364.617.485.592

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	200.000.000.000	37.175.100.000	(423.801.274)	8.395.287.553	8.395.287.553	-	84.584.077.622	338.125.951.454
Tăng khác	-	-	7.046.140.333	-	-	-	-	7.046.140.333
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	51.783.171.352	51.783.171.352
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(6.622.339.059)	-	-	-	(803.920.470)	(7.426.259.529)
Tại ngày 01/01/2012	200.000.000.000	37.175.100.000	-	8.395.287.553	8.395.287.553	-	95.563.328.504	349.529.003.610
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	10.203.450.339	10.203.450.339
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	2.589.158.567	2.589.158.567	(5.178.317.134)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	200.000.000.000	37.175.100.000	-	8.395.287.553	10.984.446.120	2.589.158.567	98.088.461.709	357.232.453.949

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/12/2010, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh kinh doanh</u>		<u>Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2012</u>		<u>Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2011</u>	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (trước đây là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi)	80.400.000.000	40,20	80.400.000.000	40,20	80.400.000.000	40,20
Các cổ đông khác	119.600.000.000	59,80	119.600.000.000	59,80	119.600.000.000	59,80
	200.000.000.000	100,00	200.000.000.000	100,00	200.000.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Trích lập các quỹ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 85/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2012, Công ty đã thông qua phương án trích lập các quỹ năm 2011 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 2.589.158.567 VND
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 2.589.158.567 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 2.500.000.000 VND

Các khoản trích lập các quỹ nêu trên đã được Công ty thực hiện trích và ghi nhận trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 85/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2012, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2011 với tỷ lệ 30% tương đương số tiền là 60 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2012, Công ty vẫn chưa được UBCK phê duyệt phương án chia cổ tức, theo đó chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	20.000.000	20.000.000
<i>Cổ phiếu thường (cổ phiếu)</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thép; các hoạt động liên quan đến cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh sản phẩm chính thép và chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là liên quan đến hoạt động kinh doanh thép và các dịch vụ phụ trợ nêu trên. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 18.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu	1.234.884.667.475	1.043.002.017.653
+ Doanh thu bán hàng	1.234.851.322.475	1.042.951.235.653
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.345.000	50.782.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	16.394.924.500	539.971.036
+ Hàng bán bị trả lại	16.322.924.500	491.707.600
+ Giảm giá hàng bán	72.000.000	48.263.436
Doanh thu thuần	<u>1.218.489.742.975</u>	<u>1.042.462.046.617</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	1.138.937.077.705	920.935.330.800
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
	<u>1.138.937.077.705</u>	<u>920.935.330.800</u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.402.740.803.222	982.683.527.643
Chi phí nhân công	44.526.885.732	30.240.006.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.566.501.085	25.261.579.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.705.037.257	80.549.865.502
Chi phí bằng tiền khác	23.692.688.802	18.854.079.537
	<u>1.529.231.916.098</u>	<u>1.137.589.058.889</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	76.181.853	852.021.736
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.180.583.089	2.505.499.498
Cổ tức được chia từ PST Đà Nẵng	112.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.553.374.395	1.645.696.890
	<u>3.922.139.337</u>	<u>5.003.218.124</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	51.875.719.709	42.346.612.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.759.584.151	8.733.541.724
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.377.862.181	138.979.818
	<u>56.013.166.041</u>	<u>51.219.134.381</u>

22. THU NHẬP KHÁC

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.833.125.503	5.719.452.728
Hàng phế liệu nhập thừa từ nhà cung cấp	-	2.016.645.549
Thu nhập khác	448.865.036	452.282.000
	<u>6.281.990.539</u>	<u>8.188.380.277</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.594.264.598	59.825.798.441
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	112.000.000	-
<i>Cổ tức được thông báo từ công ty liên kết</i>	<i>112.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	648.297.024	876.197.688
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>528.297.024</i>	<i>756.197.688</i>
Thu nhập chịu thuế	13.130.561.622	60.701.996.129
Thu nhập từ hoạt động chính được ưu đãi	7.134.609.172	57.062.975.546
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	5.995.952.450	2.775.546.686
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.282.640.406	15.175.499.032
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	891.826.146	7.132.871.943
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.390.814.259	8.042.627.089

(*) Đối với hoạt động chính là sản xuất các loại thép xây dựng theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000074 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 12 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho hai năm tiếp theo. Năm 2009 và 2010 là 2 năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất ưu đãi, do đó, từ năm 2011, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp (tương đương với mức thuế suất 12,5%). Năm 2012 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 12,5%.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.203.450.339	51.783.171.352
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	510	2.589

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.045.510.682.306	796.864.420.384
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	8.676.948.473	54.832.362.923
Nợ thuần	1.036.833.733.833	742.032.057.461
Vốn chủ sở hữu	357.232.453.949	349.529.003.610
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,90	2,12

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.676.948.473	54.832.362.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.956.300.060	85.700.223.647
Đầu tư dài hạn	1.600.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng	<u>187.233.248.533</u>	<u>142.132.586.570</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	168.708.904.043	316.376.515.017
Chi phí phải trả	1.453.111.607	541.852.868
Các khoản vay	1.045.510.682.306	796.864.420.384
Tổng cộng	<u>1.215.672.697.956</u>	<u>1.113.782.788.269</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro vì sau khi Ban giám đốc xem xét và đánh giá chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể vượt quá chi phí tiềm tàng do các biến động về tỷ giá và lãi suất của các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	90.548.188.937	322.231.841.900	74.753.807.140	82.937.152.860
Đô la Hồng Kông (HKD)	2.962.537.739	2.947.844.426	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đồng Đô la Mỹ	789.719.090	11.964.734.452

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ tăng/giảm 9.922.569.603 đồng (2011: 8.356.352.454 đồng).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	(9.922.569.603)
VND	-200	9.922.569.603
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	200	(8.356.352.454)
VND	-200	8.356.352.454

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.676.948.473	-	8.676.948.473
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.956.300.060	-	176.956.300.060
Đầu tư dài hạn	1.600.000.000	-	1.600.000.000
Tổng cộng	187.233.248.533	-	187.233.248.533
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	168.708.904.043	-	168.708.904.043
Các khoản phải trả	1.453.111.607	-	1.453.111.607
Các khoản vay	623.539.988.000	421.970.694.306	1.045.510.682.306
Tổng cộng	793.702.003.650	421.970.694.306	1.215.672.697.956
Chênh lệch thanh khoản thuần	(606.468.755.117)	(421.970.694.306)	(1.028.439.449.423)
Tại ngày 31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.832.362.923	-	54.832.362.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.700.223.647	-	85.700.223.647
Đầu tư dài hạn	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng	140.532.586.570	1.600.000.000	142.132.586.570
Phải trả người bán và phải trả khác	316.376.515.017	-	316.376.515.017
Các khoản phải trả	541.852.868	-	541.852.868
Các khoản vay	432.246.934.792	364.617.485.592	796.864.420.384
Tổng cộng	749.165.302.677	364.617.485.592	1.113.782.788.269
Chênh lệch thanh khoản thuần	(608.632.716.107)	(363.017.485.592)	(971.650.201.699)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với cơ cấu nguồn vốn phù hợp, bao gồm kế hoạch tiếp tục huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và các cổ đông. Bên cạnh đó, cùng với việc hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dây chuyền sản xuất mới đầu tư, Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	119.461.431.059	262.019.764.065
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	12.940.631.315	9.326.121.835
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	22.461.872.912	76.868.706.724
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	1.896.702.000	1.338.035.000
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	62.808.387.224	7.928.404.260
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	67.194.500.749	22.184.960.001
	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn trong năm		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	38.504.849.414	-
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT	39.351.000.000	74.808.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương - Thành viên HĐQT	67.263.932.042	34.900.000.000
Ông Nguyễn Hữu Toàn - Thành viên HĐQT	34.109.403.000	-
Ông Hồ Nghĩa Tín - thành viên HĐQT	27.007.204.258	-
Trả gốc vay trong năm		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	62.465.000.000	121.082.289.840
Lãi vay phát sinh trong năm		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	8.077.147.072	4.700.461.959
Cô tức nhận được		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	121.000.000	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	1.300.388.923	1.487.720.225

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	31.178.269.475	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	18.833.014.254	981.795.100
Ứng trước cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	-	13.726.901.835
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	2.029.640.845	300.000.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	-	-
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	27.697.522.548	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	528.270.000	85.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	5.979.811.243	4.310.940.776
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	2.368.828.355	1.567.804.290
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	-	29.766.000.000
Vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	51.825.149.414	87.881.000.000
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT	68.651.000.000	34.900.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương - Thành viên HĐQT	120.094.932.042	74.808.000.000
Ông Hồ Nghĩa Tín - Thành viên HĐQT, TGĐ	24.107.204.258	-
Ông Nguyễn Hữu Toàn - Thành viên HĐQT	34.809.403.000	-
Phải trả phải nộp khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	2.460.735.948	6.525.158.781
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT	280.000.000	-

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Trần Mai Thị Bé Liệu
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Hồ Nghĩa Tín
 Tổng Giám đốc